

Tiềm năng và kết quả phát triển kinh tế thủy sản tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011 – 2021

Lê Văn Phương^{1*} và Nguyễn Duy Phương²

¹Cao học K30, Học viện Chính trị, Bộ Quốc Phòng

²Khoa Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị, Bộ Quốc Phòng

Tóm tắt. Phát triển kinh tế thủy sản là ngành kinh tế mà tỉnh Thanh Hóa có đủ những yếu tố “Thiên thời”, “Địa lợi” để khai thác và phát triển, nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng đời sống cho nhân dân vùng biển. Nghiên cứu tập trung làm rõ những tiềm năng, thế mạnh phát triển kinh tế thủy sản, nhấn mạnh chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, chính quyền tỉnh Thanh Hóa, kết quả đạt được và những hạn chế, khó khăn trong phát triển kinh tế thủy sản tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011 – 2021. Từ kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất giải pháp để phát triển kinh tế thủy sản bền vững, hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

Từ khóa: kinh tế thủy sản, tiềm năng, khai thác, vùng biển, Thanh Hóa.

1. Mở đầu

Thanh Hóa là vùng đất nằm ở cực Bắc Trung bộ, là một trong số ít tỉnh trong cả nước có 3 vùng sinh thái trung du miền núi, đồng bằng và ven biển; tổng diện tích tự nhiên 11.114,6 km², dân số hơn 3,64 triệu người (khu vực nông thôn 3,098 triệu người), đứng thứ 5 cả nước về diện tích và thứ 3 về dân số. Với vùng lãnh hải rộng lớn với bờ biển dài 102 km, đây là điều kiện thuận lợi cơ bản cho Thanh Hóa phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, hiện đại, bền vững.

Thực tiễn qua chặng đường dài phát triển, kinh tế thủy sản có bước phát triển nhanh và khá toàn diện trên các lĩnh vực, từ khai thác, nuôi trồng, chế biến đến dịch vụ hậu cần. Ngành này đã tạo ra sản phẩm cung cấp cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, tạo công ăn việc làm, thu nhập, cải thiện đời sống ngư dân ven biển, đảm bảo sự hiện diện bảo vệ chủ quyền quốc gia trên các vùng biển. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX (10/2020) xác định: Nông nghiệp (trong đó có ngành thủy sản) là 1 trong 5 trụ cột tăng trưởng của tỉnh [1], nhằm thúc đẩy phát triển thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Đồng thời huy động các nguồn lực cho phát triển sản xuất, gắn sản xuất thủy sản với bảo vệ an ninh, quốc phòng, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Những điều đó minh chứng việc phát triển kinh tế thủy sản là hướng đi đúng đắn để phát triển kinh tế biển của tỉnh Thanh Hóa.

Nghiên cứu về phát triển thủy sản ở tỉnh Thanh Hóa đã được nhiều tác giả đề cập, khai thác ở nhiều góc độ khác nhau: Nguyễn Cẩm Nhung (2014), đã đánh giá và phân tích thực trạng công tác huy động vốn của các doanh nghiệp chế biến thủy sản Thanh Hóa, tác giả đề xuất một số giải pháp tăng cường huy động vốn cho các doanh nghiệp chế biến thủy sản [2]; Nhóm tác giả, Nguyễn Thị Thu Phương, Nguyễn Xuân Hào (2015), trình bày quan điểm và kinh nghiệm

Ngày nhận bài: 21/3/2023. Ngày sửa bài: 29/4/2023. Ngày nhận đăng: 10/5/2023.

Tác giả liên hệ: Lê Văn Phương. Địa chỉ e-mail: fcminhphuong@gmail.com.

triển khai truy xuất nguồn gốc sản phẩm tại các quốc gia phát triển trên thế giới, kết hợp với đánh giá thực trạng khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản đang được áp dụng tại các doanh nghiệp chế biến thủy sản Thanh Hóa [3]. Nhóm tác giả Lê Thị Diệp, Ngô Thị Trung Anh (2016), đã khái quát thực trạng phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chế biến thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, từ đó đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp [4]; Lê Thị Lệ (2019) tập trung đánh giá chất lượng môi trường khu vực biển, ven biển từ các hoạt động kinh tế - xã hội có dấu hiệu và xu hướng bị ô nhiễm. Đề khắc phục ô nhiễm và đảm bảo sự phát triển bền vững, tác giả đã đề xuất thực hiện đồng bộ các giải pháp như: Chính sách bảo vệ môi trường ở từng khu vực đô thị, nông thôn, các cơ sở sản xuất và chế biến thủy sản, các khu du lịch và dịch vụ biển; tăng cường quản lý nhà nước, đầu tư tiềm lực tài chính, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, bảo tồn đa dạng sinh học; thúc đẩy hợp tác quốc tế và khu vực về bảo vệ môi trường khu vực biển và ven biển [5]. Bùi Đức Tấn, Vũ Thị Thủy (2022) nghiên cứu những ảnh hưởng của nuôi trồng thủy sản đến môi trường đồng thời đề xuất những giải pháp quản lý nuôi trồng thủy sản có hiệu quả trên địa bàn huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa [6]. Các công trình nghiên cứu đã công bố chủ yếu đề cập đến vấn đề thực trạng môi trường biển, quá trình khai thác và hiệu quả kinh doanh ngành thủy sản, mà chưa đề cập đến khía cạnh về chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế thủy sản của tỉnh. Trong nghiên cứu này tác giả chỉ ra những tiềm năng, thế mạnh, chủ trương và những kết quả đạt được, mặt còn hạn chế, khó khăn của tỉnh Thanh Hóa trong phát triển kinh tế thủy sản, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm thúc đẩy hiệu quả phát triển kinh tế thủy sản của tỉnh theo hướng vững mạnh, bền vững.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành được mục tiêu nghiên cứu, tác giả đã sử dụng chủ yếu phương pháp tổng hợp, nhằm làm rõ những chủ trương của tỉnh Thanh Hóa về phát triển kinh tế thủy sản. Ngoài ra, tác giả cũng sử dụng phương pháp thống kê, phân tích làm rõ những kết quả và hạn chế trong chỉ đạo phát triển kinh tế thủy sản. Từ đó, bài báo đề xuất những giải pháp phát triển kinh tế thủy sản của tỉnh trong thời gian tiếp theo.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Tiềm năng phát triển kinh tế thủy sản ở tỉnh Thanh Hóa

2.2.1.1. Tiềm năng tự nhiên

Tỉnh Thanh Hóa có lợi thế to lớn về không gian biển, đảo. Vùng biển có diện tích rộng 17.000 km² với chiều dài 102 km bờ biển. Dọc bờ biển có 5 cửa lạch lớn, thuận lợi cho tàu thuyền đánh cá ra vào, bờ biển tương đối phẳng với các cửa sông đều là những khu vực tự nhiên rất nhạy cảm và có năng suất sinh học cao. Vùng biển xung quanh khu vực đảo Hòn Mê và đảo Hòn Nẹ có nguồn lợi thủy sản tự nhiên đa dạng, phong phú và điều kiện thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản. Đặc biệt vùng biển Thanh Hóa chịu ảnh hưởng của cả dòng hải lưu nóng và lạnh, tạo nên những bãi cá, tôm có trữ lượng lớn so với các tỉnh phía Bắc. Ở đây đã xác định được hơn 120 loài cá, thuộc 82 giống, trong đó có 53 loài cá nổi, 69 loài cá đáy và các loại thủy hải sản khác. Các ngư trường khai thác chính gồm bãi cá nổi vùng Lạch Hới (Đông Nam Hòn Mê) với trữ lượng 15.000 tấn đến 20.000 tấn và khả năng khai thác khoảng 7.000 tấn tới 10.000 tấn mỗi năm; bãi cá nổi ven bờ từ Nghệ An trở ra có trữ lượng khoảng 12.000 tấn đến 15.000 tấn và khả năng khai thác là 6.000 tấn đến 7.000 tấn mỗi năm. Ngoài ra còn một số bãi cá đáy phía Nam đảo Hòn Mê đến Lạch Ghép và Lạch Hới ở Đông Nam Hòn Mê có nhiều tiềm năng lớn để khai thác [7].

2.2.1.1. Tiềm năng xã hội

Khu vực ven biển tỉnh Thanh Hoá với hơn 1 triệu cư dân sinh sống và lao động, đây được

xem là yếu tố hết sức thuận lợi phục vụ cho phát triển nguồn lao động trong các hoạt động kinh tế biển nói chung, trong đó có kinh tế thủy sản. Tính đến năm 2021, tổng số lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản là 865.132 người (chiếm 40,3%); lĩnh vực công nghiệp, xây dựng là 752.809 người (chiếm 35,0%); lĩnh vực dịch vụ là 530.561 người (chiếm 24,7%). Trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động những năm qua đã được nâng lên rõ rệt. Năm 2020, tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% (tăng 30% so với năm 2010), trong đó tỉ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 27,6%. Tỉ lệ lao động có việc làm sau đào tạo trình độ cao đẳng đạt khoảng 90-95%, trình độ trung cấp đạt khoảng 85-90%, trình độ sơ cấp đạt khoảng 75%, năng suất lao động không ngừng được cải thiện [7].

2.2.2. Các điều kiện khác cho phát triển kinh tế thủy sản ở tỉnh Thanh Hóa

2.2.2.1. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật

* Cơ sở hạ tầng và dịch vụ khai thác thủy sản

Hệ thống cảng cá: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 08 cảng cá đang hoạt động, trong đó 01 cảng cá đảo Hòn Mê phục vụ mục đích quân sự, quốc phòng - an ninh, 3 cảng cá loại II thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý, gồm: cảng cá Hòa Lộc (Hậu Lộc), cảng cá Lạch Hới (TP.Sầm Sơn), cảng cá Lạch Bạng (TX.Nghi Sơn) với diện tích quy hoạch là 93,25 ha, tổng chiều dài cầu cảng là 823m, đáp ứng cho hơn 2.400 lượt tàu, với lượng hàng hóa qua cảng trên 65.000 tấn/năm; 4 cảng cá loại III do UBND cấp huyện quản lý, gồm: cảng cá Hoàng Trường, cảng cá Hoàng Phụ, cảng cá Quảng Nham, cảng cá Hải Châu với tổng diện tích quy hoạch là hơn 100 ha, chiều dài cầu cảng là 1.658m, phục vụ cho hơn 2.460 lượt tàu, với hàng hóa qua cảng trên 81.000 tấn/năm [7].

Khu neo đậu tránh trú bão: Toàn tỉnh có 4 khu neo đậu chính đang hoạt động, gồm: Khu neo đậu tránh trú bão Lạch Trường (Hậu Lộc), khu neo đậu tránh trú bão Lạch Hới (TP.Sầm Sơn), khu neo đậu tránh trú bão Lạch Bạng (TX.Nghi Sơn) và khu neo đậu tránh trú bão Sông Lí (Quảng Xương) và 09 khu neo đậu tự nhiên đang hoạt động. Tổng quy mô của 4 khu neo đậu tránh trú bão phục vụ neo đậu cho gần 2.100 tàu cá có chiều dài lớn nhất đến 32m vào tránh trú bão [7].

Các cơ sở, dịch vụ khác: Trên địa bàn tỉnh hiện nay, có 32 cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, trong đó, có 10 cơ sở đủ điều kiện đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá theo quy định, với công suất đáp ứng đóng mới và sửa chữa khoảng hơn 2.000 chiếc/năm; 45 cơ sở cung cấp nhiên liệu, 81 cơ sở thu mua thủy sản; 184 kho cấp đông trữ lạnh thủy sản (tổng công suất đạt 42.811 tấn) và 116 tàu dịch vụ hậu cần nghề cá trên biển. Nhìn chung, dịch vụ hậu cần nghề cá của tỉnh cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế thủy sản [7].

* Cơ sở hạ tầng và dịch vụ nuôi trồng thủy sản

Cơ sở hạ tầng vùng nuôi: Đã đầu tư xây dựng, nâng cấp 12 vùng nuôi trồng thủy sản nước lợ từ nguồn ngân sách Trung ương và vốn vay ODA, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, hình thành các vùng nuôi tôm tập trung nhất là khu vực ven biển, như vùng chăn nuôi tôm chân trắng thâm canh, diện tích đạt 500 ha, tập trung chủ yếu tại các xã Nga Tân, Nga Thủy, huyện Nga Sơn; Đa Lộc, Hòa Lộc huyện Hậu Lộc; Hoàng Yên, Hoàng Trường, Hoàng Phụ, huyện Hoằng Hóa; Quảng Nham huyện Quảng Xương và Thanh Thủy, Hải Châu, Hải Lĩnh, thị xã Nghi Sơn [7].

Cơ sở sản xuất giống và kinh doanh thức ăn, chất cải tạo môi trường, thuốc thú y thủy sản: Toàn tỉnh có 47 cơ sở sản xuất giống thủy sản, trong đó có 4 cơ sở sản xuất giống tôm, ngao và 01 Trung tâm sản xuất giống thủy sản Thanh Hóa với công suất thiết kế là 50 triệu con/trại; đáp ứng khoảng 15% giống tôm sú, 50% giống cua, ngao nhu cầu trong tỉnh [7].

Đối với cơ sở thức ăn, chất cải tạo môi trường: Hiện có 15 cơ sở kinh doanh thức ăn, chất cải tạo môi trường và thuốc thú y thủy sản, chủ yếu phục vụ nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ. Tuy nhiên, việc kiểm soát các sản phẩm thức ăn và các chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng

thủy sản vẫn còn nhiều khó khăn. Đề hướng đến phát triển bền vững ngành nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh cần tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác quản lý [7].

2.2.2.2. Chủ trương, chính sách của tỉnh

Bám sát chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về thực hiện *Nghị quyết số 09-NQ/TW khóa X, ngày 09/7/2007* về “*Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*” [8]; *Nghị quyết số 36-NQ/TW* về “*Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*” [9]; *Nghị định số 67/2014/NĐ-CP* (nay là *Nghị định số 17/2018/NĐ-CP* ngày 02/02/2018) về chính sách phát triển thủy sản [10]... Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh Thanh Hóa đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo ngành thủy sản bằng những chủ trương, chính sách, dự án phát triển thủy sản, qua đó, góp phần tạo sinh kế, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho người dân, thúc đẩy kinh tế thủy sản phát triển gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

Xác định phát triển kinh tế thủy sản là ngành truyền thống của nhân dân vùng biển, vừa là động lực để thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển, khai thác tối đa giá trị tài nguyên. Tỉnh ủy đã ban hành *Quyết định số 227-QĐ/TU, ngày 27/6/2011* về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng biển đến năm 2015 [11], Chương trình đã đề ra 06 nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, trong đó có nhấn mạnh đến yêu cầu phát triển kinh tế thủy sản cả khai thác, nuôi trồng, chế biến và dịch vụ hậu cần. Tiếp đến *Nghị quyết số 16/NQ-TU* ngày 20/4/2015 của của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tái cơ cấu ngành Nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững [12]. Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 15/01/2019 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về thực hiện *Nghị quyết số 36-NQ/TW* ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định nhiệm vụ với ngành kinh tế thủy sản: “*Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, tạo ra các sản phẩm chủ lực, có chất lượng, giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường*” [13].

Những chủ trương đúng đắn về phát triển kinh tế thủy sản của tỉnh Thanh Hóa được triển khai đã kịp thời đáp ứng yêu cầu mới của thực tiễn tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, thể hiện việc đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển kinh tế thủy sản của tỉnh Thanh Hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Những chủ trương, chính sách của tỉnh Thanh Hóa đã tạo cơ sở cho sự phát triển kinh tế thủy sản của địa phương, sẵn sàng bước vào giai đoạn phát triển mới mang tính đột phá.

2.2.3. Kết quả phát triển kinh tế thủy sản ở tỉnh Thanh Hóa

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, các ban ngành, địa phương triển khai thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế thủy sản, vì vậy trong những năm qua kinh tế thủy sản tỉnh Thanh Hóa đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: Thủy sản có bước phát triển nhanh và khá toàn diện trên các lĩnh vực, từ khai thác, nuôi trồng, chế biến đến dịch vụ hậu cần; thủy sản đang dần khẳng định vai trò trong nền kinh tế của tỉnh. Trong giai đoạn 2011-2021, lĩnh vực thủy sản của tỉnh đã có những bước tăng trưởng vượt bậc, với tốc độ tăng trung bình đạt 11,0%/năm, góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế và giải quyết hàng chục nghìn việc làm cho lao động của địa phương. Theo số liệu của Cục Thống kê Thanh Hóa, năm 2021, tỉ trọng đóng góp của ngành thủy sản vào GRDP toàn tỉnh chiếm khoảng 3,0%. Sản lượng thủy sản tăng từ 77,3 nghìn tấn lên hơn 135,9 nghìn tấn, giá trị xuất khẩu tăng từ 26,63 triệu USD lên 87,86 triệu USD. Bên cạnh những đóng góp về mặt kinh tế thì phát triển thủy sản cũng có sự gắn bó mật thiết với việc xây dựng tiềm lực quốc phòng - an ninh, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển [7].

Lực lượng, phương tiện và trang bị khai thác hải sản được đầu tư, phát triển theo hướng chất lượng, hiện đại đã giúp nâng cao năng lực của các đội tàu, kéo dài thời gian bám biển của ngư dân. Sự hiện diện của ngư dân trên các vùng biển xa của Tổ quốc là những cột mốc sống, khẳng định chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Các cơ sở dịch vụ nghề cá được quan tâm đầu tư, đặc biệt là hệ thống cảng cá, khu neo đậu đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu thực tiễn sản xuất. Đã phát triển được một số vùng nuôi thủy sản tập trung và hệ thống hạ tầng đồng bộ cho nuôi trồng thủy sản ở các địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi để phát triển lĩnh vực thủy sản theo hướng hiện đại. Tập trung phát triển các đối tượng nuôi chủ lực có giá trị kinh tế, hình thành các vùng sản xuất tập trung, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong nuôi trồng thủy sản.

Đã hình thành và phát triển hệ thống công nghiệp chế biến thủy sản có công nghệ và thiết bị tương đối hiện đại, gắn kết với vùng nguyên liệu, tạo bước đột phá phát triển của ngành. Một số sản phẩm thủy sản của tỉnh đã xây dựng được thương hiệu và xuất khẩu đi nhiều nước trên thế giới, kể cả những thị trường khó tính như: EU, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Úc. Điều này không những góp phần phát triển ngành thủy sản mà còn gián tiếp góp phần khẳng định chủ quyền biển đảo của Tổ quốc thông qua việc truy xuất nguồn gốc xuất xứ của các sản phẩm thủy sản.

Công tác tuyên truyền, giáo dục về vai trò và các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong phát triển thủy sản gắn với các vấn đề biển đảo của Tổ quốc được chú trọng đã góp phần nâng cao nhận thức của ngư dân trong bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; bảo vệ an ninh, trật tự xã hội gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

Tuy nhiên, xét cả về mặt chủ quan và khách quan, thực tế hiện nay cho thấy trong việc khai thác lợi thế từ biển để phát triển kinh tế thủy sản của tỉnh Thanh Hóa còn bộc lộ không ít hạn chế, khó khăn như sau:

- Việc gắn kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản còn gặp nhiều khó khăn. Sản phẩm chủ yếu là sản phẩm thô hoặc nguyên liệu trung gian; sản phẩm giá trị gia tăng thấp, sản phẩm có thương hiệu, sản phẩm xuất khẩu chưa nhiều.

- Quy mô sản xuất thủy sản còn nhỏ, lẻ, phân tán; năng lực khai thác thủy sản còn hạn chế; chưa hình thành được các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, quy mô lớn, chưa có nhiều chuỗi liên kết sản xuất từ khâu sản xuất đến tiêu thụ.

2.3. Giải pháp phát triển kinh tế thủy sản ở tỉnh Thanh Hóa

Là tỉnh có nhiều tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế thủy sản, nếu được khai thác, phát triển ngành thủy sản một cách khoa học, sẽ góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trên cơ sở những đánh giá thực tiễn từ những kết quả đạt được và những mặt còn hạn chế phát triển kinh tế thủy sản giai đoạn 2011- 2021, để trong những năm tiếp theo kinh tế thủy sản của tỉnh tiếp tục phát triển mạnh mẽ, cần thực hiện tốt những giải pháp như sau:

Một là, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, quản lý điều hành của chính quyền các cấp trong phát triển kinh tế thủy sản.

Tiếp tục quán triệt, cụ thể hoá các nhiệm vụ phát triển bền vững, đảm bảo mục tiêu đã đề ra theo Kế hoạch số 125-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, doanh nghiệp, của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển thủy sản gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế thủy sản.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương và của tỉnh đã ban hành về đầu tư, tín dụng hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân nâng cấp tàu cá, chuyển đổi nghề, tăng cường

sự hiện diện của ngư dân tại các vùng biển; hỗ trợ rủi ro trong sản xuất thủy sản; kiểm soát môi trường, dịch bệnh; cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá. Có chính sách đặc thù riêng của tỉnh nhằm phát triển kinh tế thủy sản gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển như:

Chính sách đào tạo, bồi dưỡng đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên tàu cá; Chính sách khuyến khích, thu hút các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là cộng đồng dân cư tham gia đầu tư để hình thành, quản lý và phát triển các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản và khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản.

Chính sách nguồn vốn tín dụng: Tạo điều kiện các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay với lãi suất ưu đãi; chuyển hướng việc Ngân sách hỗ trợ trực tiếp cho người sản xuất thủy sản sang hỗ trợ lãi suất tín dụng.

Chính sách thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Có chính sách khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài, cải thiện môi trường đầu tư; tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức quốc tế, nhất là trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi, tái tạo rừng ngập mặn và xây dựng khu bảo tồn biển, các khu neo đậu tránh trú bão để phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Ba là, Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao giá trị sản phẩm trong phát triển kinh tế thủy sản.

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ 4.0 trong phát triển thủy sản; xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công lập theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm; huy động sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế, đặc biệt các doanh nghiệp ngoài nhà nước vào các hoạt động khoa học công nghệ, đào tạo và các dịch vụ nông nghiệp khác.

Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ khai thác tiên tiến, thân thiện với môi trường; công nghệ bảo quản sản phẩm nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Bảo đảm tốt trang thiết bị thông tin liên lạc, hàng hải và khai thác nhằm từng bước cơ giới hóa, hiện đại hóa đội tàu khai thác. Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao quy trình sản xuất giống thủy sản sạch bệnh, chất lượng; quy trình nuôi công nghệ cao, thân thiện với môi trường; Phát triển các mô hình nuôi công nghiệp trên biển, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, như: công nghệ lồng Na Uy đối với nuôi cá biển; công nghệ nuôi tôm Biofloc; công nghệ nuôi tôm tuần hoàn khép kín; công nghệ nuôi tôm trong nhà kính; công nghệ tự động hóa trong việc cho ăn, giám sát chất lượng môi trường và phòng trừ dịch bệnh.

Bốn là, phát triển đa dạng thị trường, xây dựng thương hiệu, đẩy mạnh công tác chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản.

Duy trì và phát triển thương hiệu cho các mặt hàng thủy sản chủ lực: Tăng cường quảng bá sản phẩm đã có thương hiệu trên địa bàn tỉnh. Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về giá trị thương hiệu sản phẩm thủy sản thông qua các hội trợ, triển lãm, các phương tiện truyền thông.

Phát triển ổn định các thị trường truyền thống và mở rộng xuất khẩu các đối tượng thủy sản có giá trị gia tăng cao như: mực, tôm, cá biển, sản phẩm chế biến từ thủy sản sang các thị trường mới nổi trong khối ASEAN và các nước thành viên đã ký kết Hiệp định thương mại song phương với Việt Nam,... nhằm tận dụng ưu đãi về thuế quan.

Xây dựng các chuỗi liên kết trong sản xuất nhằm nâng cao giá trị sản phẩm phục vụ chế biến và tiêu thụ. Tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng sản phẩm trong chuỗi giá trị sản phẩm thủy sản từ khâu sản xuất đến sơ chế, phân loại, bảo quản sau thu hoạch, chế biến và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa đảm bảo sản phẩm an toàn chất lượng và bảo vệ môi trường. Xây dựng và quản lý tốt thương hiệu sản phẩm thủy sản cá nhân, nhãn hiệu tập thể.

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm thủy sản đã có thương hiệu hoạt động xúc tiến thương mại theo các Chương trình xúc tiến thương mại Quốc gia, Chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch của

tình. Tăng cường nghiên cứu phân khúc thị trường tiêu thụ, kết nối với nhiều kênh phân phối; dự báo thị trường tiêu thụ để các tổ chức, cá nhân trong chuỗi sản xuất có những định hướng, giải pháp phát triển phù hợp.

3. Kết luận

Trong giai đoạn 2011 - 2021 kinh tế thủy sản tỉnh Thanh Hóa đã đạt những kết quả nổi bật, đóng góp to lớn vào ngân sách của tỉnh, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, đời sống người dân dần được cải thiện. Quy mô kinh tế thủy sản được tăng lên, đã chú trọng đến phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, quốc phòng an ninh trên biển, đảo ngày càng được tăng cường.

Tuy còn một số hạn chế nhất định phát triển kinh tế thủy sản, song có thể khẳng định rằng những chủ trương, chính sách phát triển kinh tế thủy sản của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011 - 2021 là đúng đắn, phù hợp với điều kiện hiện có của tỉnh và chủ trương, đường lối của Đảng trong Chiến lược kinh tế biển, tạo ra một động lực to lớn để phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu đưa tỉnh Thanh Hóa trở thành tỉnh có nền kinh tế trong top đầu cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa, 2020. “Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XIX Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2020 – 2025”.
- [2] Nguyễn Cẩm Nhung, 2014. “Giải pháp huy động vốn của các doanh nghiệp chế biến thủy sản Thanh Hóa trong điều kiện hiện nay”. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Hồng Đức*, số 18, tr.112 –118.
- [3] Nguyễn Thị Thu Phương, Nguyễn Xuân Hào, 2015. “Khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm – Thực trạng và giải pháp cho các doanh nghiệp chế biến thủy sản Thanh Hóa”. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Hồng Đức*, số đặc biệt 11, tr.187 –193.
- [4] Lê Thị Diệp, Ngô Thị Trung Anh, 2016. “Giải pháp hoàn thiện công tác phân tích hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chế biến thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Hồng Đức*, số 28, tr.28 – 34.
- [5] Lê Thị Lệ, 2019. “Nghiên cứu thực trạng và giải pháp bảo vệ môi trường khu vực biển và ven biển Thanh Hóa”, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 5, tr. 174-184.
- [6] Bùi Đức Tấn, Vũ Thị Thủy, 2022. Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động nuôi trồng thủy – hải sản đến môi trường và đề xuất giải pháp quản lý tại xã Đa Lộc, Huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa”. *Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường*, số 42, tr. 11-17.
- [7] Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, 2022. Đề án phát triển thủy sản gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- [8] Đảng Cộng sản Việt Nam, 2007. Văn kiện Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam, 2018. Văn kiện Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10] Thủ tướng Chính phủ, 2014. Nghị định số 67/NĐ-CP, ngày 07/7/2014, về Một số chính sách phát triển thủy sản.
- [11] Tỉnh ủy Thanh Hóa, 2011. “Quyết định số 227 - QĐ/TU, ngày 27/6/ 2011 Ban hành Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng biển đến năm 2015”.
- [12] Tỉnh ủy Thanh Hóa, 2016. “Nghị quyết số: 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững”.

- [13] Tỉnh ủy Thanh Hóa, 2019. “Kế hoạch số 125-KH/TU, ngày 15/01/2019 thực hiện Nghị quyết số 36 – NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045”.

ABSTRACT

Potential and results of aquaculture economic development of Thanh Hoa province in the period 2011 - 2021

Le Van Phuong^{1*} and Nguyen Duy Phuong²

K30 Graduate student, Academy of Politics, Ministry of National Defense

Faculty of Ho Chi Minh Studies, Academy of Politics, Ministry of National Defense

Aquaculture economic development is an economic sector that Thanh Hoa province has enough favorable conditions for exploitation and development, in order to create a driving force for promoting socio-economic development of the province, contribute to improving the quality of life for people in the coastal areas. The research focuses on clarifying the potential and strengths of the development of the aquaculture economy, emphasizing the leadership and direction of the Party Committee and the government of Thanh Hoa province, the results achieved and the limitations and difficulties in the development of the aquaculture economy in Thanh Hoa province in the period 2011 - 2021. From the research results, the article proposes solutions to develop sustainable and effective aquaculture economy in the next time.

Keywords: aquaculture economy, potential, sea area, Thanh Hoa province.